

Già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Trần Khánh Linh

Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Email liên hệ: linhtk@due.edu.vn

Tóm tắt: Già hóa dân số đang là vấn đề toàn cầu, xuất hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, có ảnh hưởng lớn đến nhiều chiều cạnh phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Việt Nam hiện cũng đang trải qua sự gia tăng nhanh chóng cả về số lượng lẫn tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số. Bài báo này phân tích thực trạng già hóa dân số tại Việt Nam, nhận diện những thách thức của già hóa dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở thực tiễn đó, bài viết đề xuất một số gợi ý chính sách giúp Việt Nam thích ứng hữu hiệu với vấn đề già hóa dân số trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Dân số, Già hóa dân số; Phát triển kinh tế; Việt Nam.

Abstract: Population ageing – a global issue that appears in almost every country in the world – greatly affects various dimensions of the socio-economic development in many countries. Not outside of this trend, Vietnam is also experiencing a rapid increase in both the number and proportion of elderly people in the population structure, creating many problems for the nation's economic growth. This paper focuses on analyzing the current situation of population aging in Vietnam, identifying the challenges of population aging for the country's socio-economic development. Based on that reality and experiences from countries worldwide, the author proposes some policy suggestions for the Vietnamese government to adapt and deal with the population ageing phenomenon that is currently taking place rapidly.

Keywords: Population; Population ageing; Economic development; Vietnam.

Ngày nhận bài: 28/6/2019

Ngày duyệt đăng: 26/10/2019

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số đề cập đến một sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo hướng người cao tuổi ngày càng tăng cả về số lượng tuyệt đối lẫn phần trăm tỷ lệ. Theo định nghĩa chính thức của Liên Hợp Quốc (United Nations), một quốc gia được xếp vào “đang già hóa” khi tỷ lệ người dân từ 65 tuổi trở lên của quốc gia đó vượt quá 7% tổng dân số. Khi con số này lần lượt vượt quá mức 14% và 20%, dân số sẽ được coi là “đã già hóa” và “siêu già hóa”. UNFPA (2011) sử dụng mốc 60 thay vì 65 với các tỷ lệ 10%, 20% và 30% lần lượt là các mốc cho tình trạng “đang già hóa”, “già hóa”, và “siêu già hóa”.

Nhìn chung, dân số trên toàn thế giới đang dần già đi. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới - World Bank (2019), nhóm dân số 65 tuổi trở lên trên thế giới đã có sự gia tăng đáng kể từ năm 1960, từ khoảng 5% tổng dân số thế giới (tương đương 151 triệu người) lên đến 8,5% vào năm 2016 (gần 630 triệu người). Điều này hàm ý rằng, dân số trên thế giới đã chính thức

tiến vào giai đoạn “đang già hóa”. Prskawetz và cộng sự (2008) nhận định, “trong khi thế kỷ hai mươi là thời đại tăng trưởng dân số bền vững, thế kỷ hai mươi mốt này sẽ là kỷ nguyên của dân số già hóa”. Dự báo của Liên Hiệp Quốc – United Nations (2019) cũng chỉ ra rằng, số lượng người từ 65 tuổi trở lên trên thế giới sẽ đạt hơn 1,4 tỉ người vào năm 2050, tương đương 15,6% tổng dân số dự báo. Như vậy, đến năm 2050, dân số thế giới được dự báo sẽ tiếp tục tiến thêm vào giai đoạn “già hóa”.

Trong quá khứ, già hóa dân số xuất hiện chủ yếu ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và đặc biệt là châu Âu, thậm chí một số quốc gia còn có tháp dân số ngược với tỷ lệ tăng trưởng dân số ở mức âm. Tuy nhiên, hiện nay, già hóa dân số đã trở thành một hiện tượng phổ biến ở nhiều quốc gia đang phát triển, trong đó có Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore và Thái Lan,... Nguyên nhân đằng sau vấn đề này là sự kết hợp của các yếu tố: giảm tỷ lệ sinh và tử vong, gia tăng tuổi thọ bình quân. Trong đó, sự giảm sút tỷ lệ sinh được phát hiện là yếu tố quan trọng gây ra hiện tượng già hóa ở phần lớn các quốc gia trên thế giới (Bos và Weizsacker, 1989; Weil, 2006).

Không nằm ngoài xu hướng trên, Việt Nam cũng đang trải qua quá trình già hóa dân số, thậm chí với tốc độ cao hơn so với các quốc gia phát triển trước đây, xảy ra trên khắp các vùng, các địa phương của cả nước. Cấu trúc dân số với tỷ lệ người già gia tăng chắc chắn sẽ mang lại nhiều vấn đề đối với phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam, nhận diện một số vấn đề thách thức từ quá trình già hóa dân số, từ đó đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm giúp Việt Nam thích ứng phù hợp với vấn đề này.

2. Một số vấn đề lý luận về ảnh hưởng của già hóa dân số đến phát triển kinh tế

Già hóa dân số có ảnh hưởng khác nhau đến phát triển kinh tế quốc gia. Đầu tiên, già hóa dân số có xu hướng *ảnh hưởng tiêu cực* đến phát triển kinh tế. Auerbach và cộng sự (1989), Weil (2006), Otsu và Shibayama (2016) lập luận rằng, trong khi lao động là một trong những nhân tố chính quyết định tới năng suất và tăng trưởng kinh tế thì việc giảm sút lực lượng lao động trong nền kinh tế do dân số ngày càng già đi chắc chắn sẽ mang lại tác động tiêu cực đến sự phát triển của một quốc gia. Thêm vào đó, việc người già thường có tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn nhiều so với những người trẻ hàm ý rằng già hóa dân số sẽ làm giảm tỷ lệ tiết kiệm của nền kinh tế – một yếu tố quan trọng đóng góp vào việc tích lũy vốn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Ngoài ra, sự gia tăng về số lượng người già trong xã hội sẽ làm gia tăng gánh nặng chi tiêu quốc gia dành cho các khoản phúc lợi xã hội và tài trợ cho việc chăm sóc nhóm người này. Điều này làm hạn chế các khoản đầu tư công có thể dùng cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khác.

Ngược lại, Fougere và Merette (1999) và Bloom và cộng sự (2010) lại quan niệm rằng, già hóa dân số có thể *ảnh hưởng tích cực* đến phát triển kinh tế. Các học giả này nhận định rằng, người cao tuổi vẫn sẽ có một tỷ lệ tiết kiệm nhất định do các động cơ tiết kiệm khi về già như cho con cháu thừa kế sau này hoặc dự phòng cho các khoản chi phí phát sinh. Đồng thời, việc gia tăng tuổi thọ của người dân có thể giúp cho con người có nhiều động lực hơn để tiết kiệm trong quá trình làm việc và nghỉ hưu để tài trợ cho cuộc sống sau nghỉ hưu dài hơn của mình. Do đó, tác động của già hóa dân số lên tỷ lệ tiết kiệm của một quốc gia không nhất thiết là tiêu

cực, thậm chí còn có thể tích cực. Bên cạnh đó, già hóa dân số đặc trưng bởi sự giảm sút trong tỷ lệ sinh, hàm ý rằng các gia đình sẽ có ít con hơn, qua đó khuyến khích sự đầu tư nhiều hơn vào vốn nhân lực cho các thế hệ tương lai, từ đó gia tăng chất lượng nguồn nhân lực và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, sự thay đổi hành vi của người dân và chính phủ để thích ứng với tình trạng già hóa dân số, với sự tham gia nhiều hơn của người già trong lực lượng lao động và sự gia tăng trong tuổi nghỉ hưu của người lao động có thể làm giảm đáng kể các tác động tiêu cực của già hóa dân số lên lực lượng lao động và tăng trưởng kinh tế.

Tiếp cận trung hòa hơn, Aisa và Pueyo (2013) xác nhận sự *có mặt đồng thời* của cả hai ảnh hưởng tiêu cực và tích cực của hiện tượng già hóa dân số đến phát triển kinh tế, do tác động tổng thể của già hóa dân số lên tăng trưởng kinh tế của một quốc gia sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Các học giả này đã nghiên cứu về một nền kinh tế mà ở đó, tiết kiệm quốc gia là một yếu tố nội sinh quyết định đến nguồn vốn. Từ đó, họ nhận thấy sự có mặt của cả hai tác động của già hóa dân số: tác động tiêu cực từ sự phụ thuộc của người già và tác động tích cực từ sự tích lũy vốn. Việc hai tác động này loại trừ lẫn nhau khiến cho tác động tổng thể của già hóa lên phát triển kinh tế là không rõ ràng.

Như vậy, các nghiên cứu tiêu biểu trên đã lập luận tổng quát về các ảnh hưởng của già hóa dân số đến phát triển kinh tế của một quốc gia. Tuy nhiên, ảnh hưởng của già hóa dân số đến phát triển kinh tế của một quốc gia là tích cực hay tiêu cực còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố nội tại của quốc gia đó. Chính vì vậy, cần thiết tiến hành các nghiên cứu về già hóa dân số cho từng quốc gia, khu vực cụ thể. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề khởi những đề xuất chính sách sát hợp với thực tiễn.

3. Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam

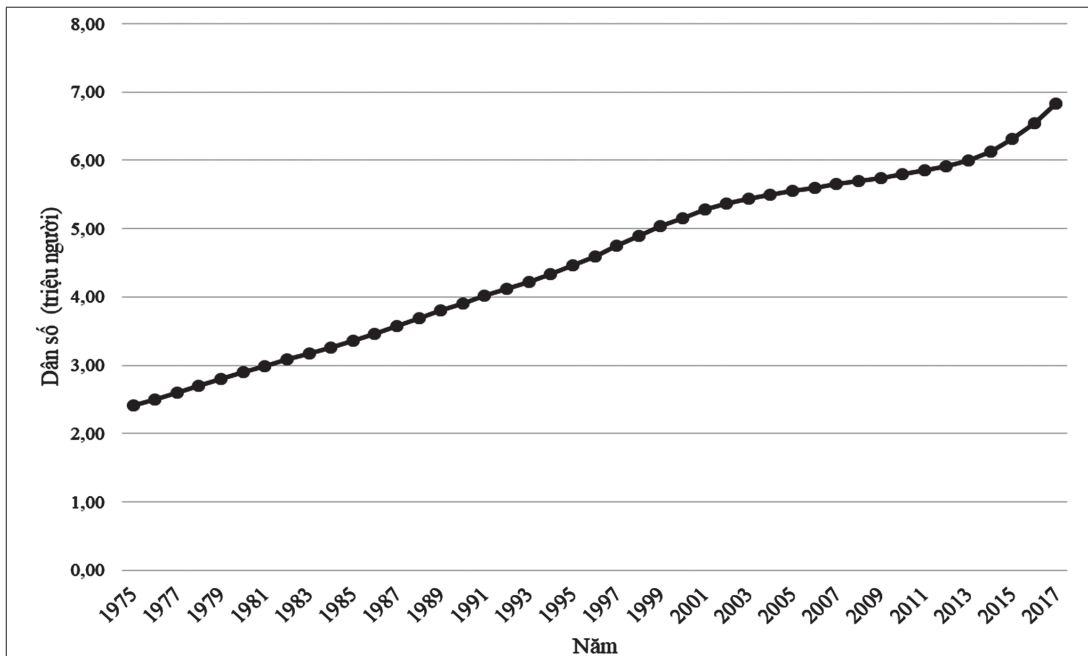
Việt Nam hiện là một trong số những quốc gia có tỷ lệ sinh tự nhiên cao, song người cao tuổi Việt Nam vẫn đã và đang gia tăng nhanh chóng cả về số lượng lẫn tỷ lệ trong cơ cấu dân số. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số trung bình của Việt Nam vào năm 2017 ước tính là 93,7 triệu người, tăng 1,06% so với năm 2016, chiếm 1,27% so với dân số toàn thế giới. Mật độ dân số trung bình của Việt Nam vào khoảng 283 người/km², tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, chiếm 65% tổng dân số cả nước. Cơ cấu dân số theo giới tính của Việt Nam tương đối cân bằng, với 46,3 triệu người là nam (chiếm 49,4%) và 47,4 triệu người là nữ (chiếm 50,6%).

Xét cơ cấu dân số theo độ tuổi, số liệu của World Bank (2019) cho thấy, lực lượng lao động Việt Nam (từ 15-64 tuổi) đạt 66,68 triệu người vào năm 2017, chiếm 69,8% tổng dân số. Trong khi đó, nhóm người dưới độ tuổi lao động (0-14 tuổi) vào khoảng 22,03 triệu người, chiếm 23,06% tổng dân số. Nhóm người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên vào khoảng 6,83 triệu người, chiếm 7,15% tổng dân số. Trong những năm qua, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam đã có sự thay đổi và chuyển dịch dần theo hướng già hóa. Giai đoạn 1975-2017, nhóm người cao tuổi đã có sự gia tăng liên tục trong thời gian dài cả về số lượng và tỷ lệ trong cơ cấu dân số (Hình 1, 2). Cụ thể, vào năm 1975, lực lượng dân số từ 65 tuổi trở lên chỉ vào khoảng 2,4 triệu người, chiếm 4,94% dân số cả nước; thì đến năm 2010, con số này đã tăng lên 5,7 triệu người, chiếm 6,55% tổng dân số; và đến năm 2017, số lượng người cao tuổi ở Việt Nam đã đạt tới 6,83 triệu người, tăng gần 3 lần so với năm 1975. Nếu lấy mốc 65 tuổi để xác

định mức già hóa dân số, có thể thấy Việt Nam đã bước vào giai đoạn “đang già hóa” từ năm 2016 với tỷ lệ gần 7% dân số nằm trong độ tuổi 65 trở lên.

Hình 1. Số lượng người dân trên 65 tuổi ở Việt Nam giai đoạn 1975 – 2017

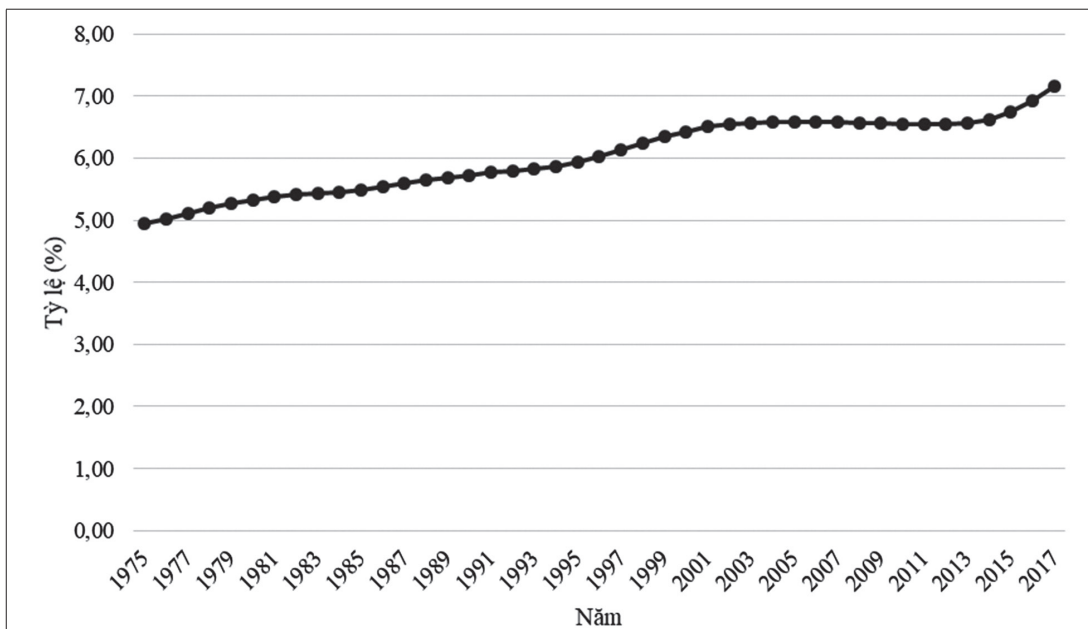
Đơn vị: triệu người



Nguồn: World Bank (2019)

Hình 2. Tỷ lệ người dân trên 65 tuổi ở Việt Nam giai đoạn 1975 – 2017

Đơn vị: %

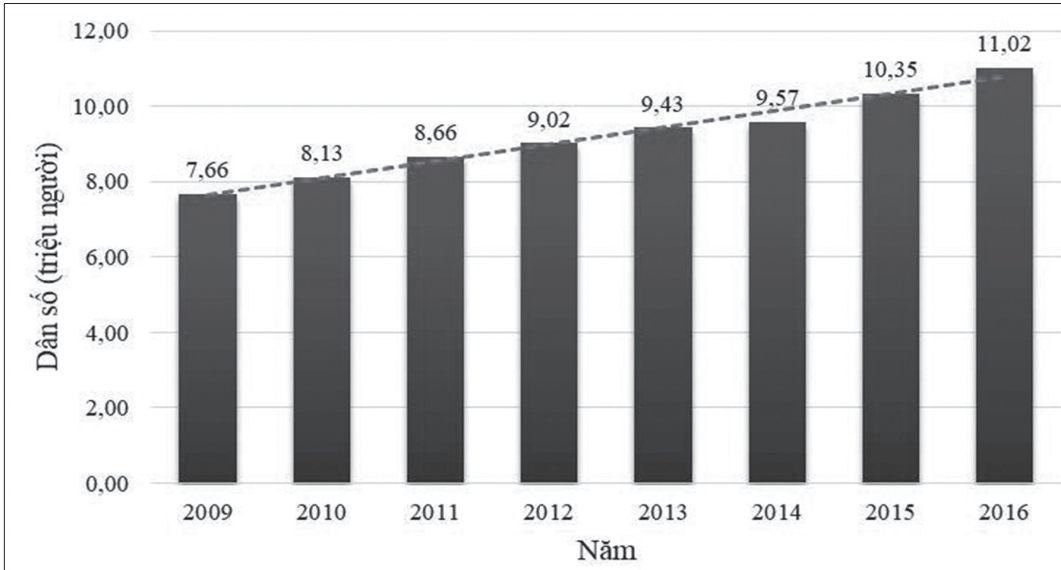


Nguồn: World Bank (2019)

Tuy nhiên, thời điểm già hóa dân số này thậm chí còn sớm hơn nếu sử dụng độ tuổi 60 làm ngưỡng thời gian xác định nhóm người cao tuổi. Cụ thể, giai đoạn 2009 – 2016, nhóm người từ 60 tuổi trở lên đã gia tăng liên tục từ 7,6 triệu người vào năm 2009 (chiếm 8,93% dân số cả nước) lên đến khoảng 11,02 triệu người vào năm 2016 (chiếm gần 12% số dân cả nước). Với cách tính này, Việt Nam đã bước vào giai đoạn “đang già hóa” sớm hơn rất nhiều.

Hình 3. Số lượng người dân trên 60 tuổi ở Việt Nam giai đoạn 2009 – 2016

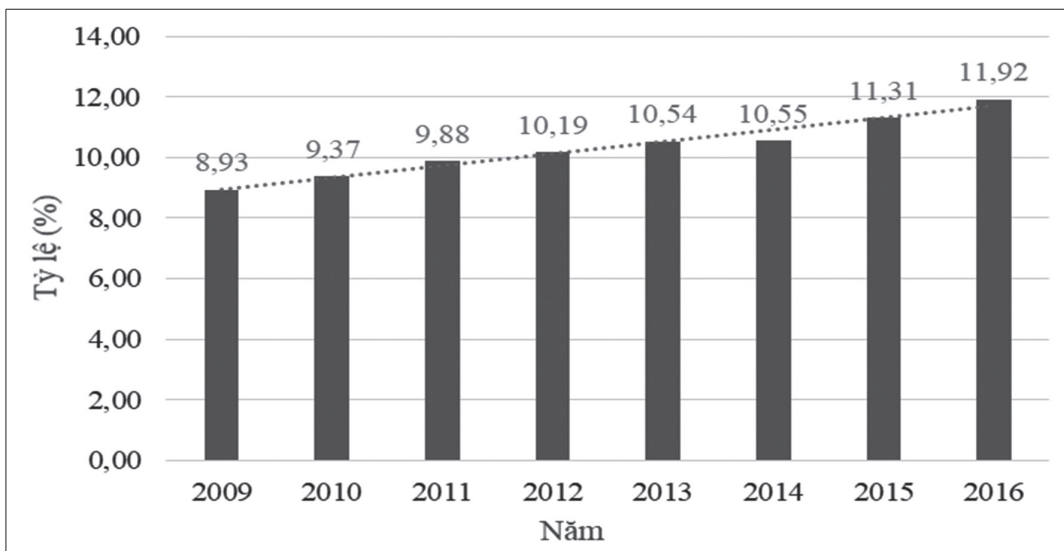
Đơn vị: triệu người



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Kết quả điều tra biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4 các năm 2009 đến năm 2016.

Hình 4. Tỷ lệ người dân trên 60 tuổi ở Việt Nam giai đoạn 2009 – 2016

Đơn vị: %



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Kết quả điều tra biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4 các năm 2009 đến năm 2016.

Tương tự như các quốc gia khác, nguyên nhân chính đằng sau hiện tượng già hóa dân số ở Việt Nam cũng là sự kết hợp của hai yếu tố: giảm trong tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong, cùng với sự gia tăng trong tuổi thọ. Số liệu từ World Bank (2019) cho thấy, giai đoạn 1975 – 2017, tỷ lệ sinh của Việt Nam đã có sự giảm sút mạnh từ 6 con/1 bà mẹ vào năm 1975 xuống còn khoảng 2 con/1 bà mẹ vào năm 2017. Sự sụt giảm trong tỷ lệ sinh được cho là phần lớn đến từ việc áp dụng thành công chính sách “Kế hoạch hóa gia đình” ở Việt Nam vào những năm 1970, với ví dụ điển hình là chính sách “Một-hoặc-Hai-con” (Giang và Pfau, 2007). Trong khi đó, tỷ lệ tử vong ở Việt Nam đã giảm nhanh từ 5,18% năm 1975 xuống còn 1,69% vào năm 2017. Tuổi thọ trung bình gia tăng từ 61,5 tuổi lên đến 75,3 tuổi trong cùng thời kỳ. Nguyên nhân đằng sau sự giảm sút trong tỷ lệ tử vong và sự gia tăng tuổi thọ này có thể là nhờ vào những thành tựu của công cuộc chuyển đổi kinh tế của Việt Nam từ sau thời kỳ “Đổi mới”, điều này dẫn đến những tiến bộ và cải tiến trong hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân (Giang và Pfau, 2007).

Trong quá khứ, Việt Nam được hưởng lợi từ những yếu tố trên do chúng góp phần gia tăng lượng dân số trong độ tuổi lao động và tạo ra một lực lượng lao động trẻ trung và được đào tạo cơ bản để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay đã bước qua giai đoạn cuối của sự chuyển đổi này và giờ đây đang trải qua một sự sụt giảm trong tỷ lệ trẻ em (từ 0-14 tuổi) trong khi tỷ lệ người già đã gia tăng nhanh chóng về cả số lượng lẫn tỷ lệ phần trăm trong cơ cấu dân số. Tổng cục Thống kê (2016) dự báo trong tương lai dưới phương án biến thiên trung bình, nhóm người cao tuổi (trên 65 tuổi) sẽ chạm tới 15,9 triệu dân (chiếm 14,9% dân số toàn quốc) vào năm 2039. Điều này hàm ý rằng, Việt Nam sẽ chính thức chuyển sang một xã hội “đã già hóa” vào mốc thời gian này. Như vậy, trong tương lai, dân số Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục trải qua một sự chuyển đổi cơ cấu theo xu hướng ngày càng có nhiều người già hơn.

Bảng 1. Dự báo cơ cấu dân số Việt Nam giai đoạn 2014 – 2049

Năm	2014	2019	2029	2039	2049
Tổng số dân (nghìn người)	90.493	95.387	102.321	106.513	108.464
Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi (%)	23,5	23,4	20,9	18,1	17,9
Tỷ lệ dân số 15-64 tuổi (%)	69,4	69,1	68,0	67,0	64,0
Tỷ lệ số dân trên 65 tuổi (%)	7,1	7,5	11,1	14,9	18,1
Số dân trên 65 tuổi (nghìn người)	6.426	7.148	11.293	15.877	19.632
Chỉ số già hóa 60+	43,3	49,8	77,6	113,2	138,9

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào số liệu của Tổng cục Thống kê (2016)

4. Già hóa dân số và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam

Thứ nhất, tốc độ già hóa dân số ở Việt Nam thuộc nhóm nhanh nhất trong khu vực châu Á cũng như trên thế giới. Các dự báo trước đây lấy mốc già hóa là 65 tuổi trở lên cho thấy rằng, Việt Nam sẽ vào tình trạng “đang già hóa” từ năm 2017 với hơn 7% dân số (tương đương 6,5 triệu người). Tuy nhiên, các báo cáo chính thức lại cho thấy Việt Nam thực chất đã chính thức tiến vào giai đoạn này từ năm 2011 khi gần 10% dân số Việt Nam thuộc nhóm 60 tuổi trở lên. Hơn thế nữa, khoảng thời gian dự kiến để cho Việt Nam chạm đến ngưỡng tiếp theo - “đã già

hóa” cũng sẽ thuộc vào hàng ngắn nhất trên thế giới với chưa đến 2 thập kỷ. Thái Lan và Trung Quốc, hai quốc gia châu Á cũng cần một khoảng thời gian dài hơn – lần lượt là 21 năm và 25 năm (World Bank, 2016). Trong khi đó, một quá trình chuyển đổi tương tự từ 50 tới 100 năm, thậm chí lâu hơn cho các nước phương Tây và các nước thuộc khối OECD. Điển hình, nước Anh có thời gian là 45 năm, Mỹ là 69 năm và Pháp là 115 năm (World Bank, 2016). Như vậy, nếu theo đà này, đến trước năm 2050, rất có thể Việt Nam sẽ tiến vào giai đoạn xã hội “siêu già hóa”, với hơn 1/5 dân số cả nước sẽ trong độ tuổi từ 60 trở lên. Điều này có thể gây nhiều áp lực đối với phát triển kinh tế xã hội đất nước trong tương lai. Đặc biệt, với một tốc độ già hóa ở mức cao trong khi tình trạng thu nhập vẫn ở mức cận dưới của trung bình, Việt Nam sẽ phải đối mặt thêm với vấn đề “già đi trước khi làm giàu”, mang lại nhiều thách thức hơn so với các quốc gia đang phát triển khác (UNFPA, 2011).

Thứ hai, già hóa dân số tạo ra nguy cơ thiếu hụt lực lượng lao động cho nền kinh tế. Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động ở Việt Nam được dự báo là sẽ giảm sút từ 69,4% năm 2014 xuống còn 64% vào năm 2049, tương đương 69,5 triệu dân. Trong khi đó, tỷ lệ dân số trẻ (dưới 15 tuổi) – nhóm dân số kế cận và là nguồn cung cho lực lượng lao động của Việt Nam trong tương lai cũng được dự báo sẽ giảm sút từ 23,4% xuống còn 17,8% trong cùng thời kỳ, tương đương 19,4 triệu dân vào năm 2049. Điều này phản ánh tình trạng sụt giảm trầm trọng lực lượng lao động của nền kinh tế trong tương lai. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ bị suy giảm trong trung và dài hạn.

Thứ ba, già hóa dân số kéo theo việc gia tăng chi phí xã hội cho việc chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Bảng 1 cho thấy, số lượng người già từ 65 tuổi trở lên ở Việt Nam sẽ gia tăng nhanh từ 6,4 triệu người năm 2014 lên đến 19,6 triệu người năm 2049. Đi kèm với sự gia tăng về số lượng người già một cách nhanh chóng chính là gánh nặng về kinh tế cho việc chăm sóc lực lượng dân số già này. Thực tế cho thấy, người cao tuổi vốn là nhóm người dễ tổn thương trong xã hội, khi càng có nhiều người thuộc nhóm tuổi này hơn trong dân số đất nước, nhu cầu phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho nhóm người này sẽ ngày một tăng cao. Trong khi đó, hệ thống y tế và an sinh xã hội ở Việt Nam vẫn chưa thực sự phát triển. Vì vậy, nếu không có những điều chỉnh về mặt chính sách phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu cho nhóm người cao tuổi này, nhà nước không thể tập trung toàn lực vào sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Như vậy, nếu không có những biện pháp thích hợp, vấn đề già hóa dân số có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong dài hạn. Bên cạnh đó, cần nhìn nhận già hóa dân số không nhất thiết sẽ luôn cản trở sự phát triển kinh tế của đất nước. Thậm chí, nếu thiết kế được các chính sách nhằm giúp giảm bớt gánh nặng của người cao tuổi lên xã hội, đồng thời vừa giúp tối đa hóa những đóng góp của họ trong phát triển kinh tế, Việt Nam sẽ có thể tận dụng được những lợi ích từ già hóa dân số mang lại, hạn chế tác động tiêu cực của già hóa dân số, qua đó góp phần duy trì và thúc đẩy tăng trưởng. Nói cách khác, nếu được quản lý tốt, quá trình chuyển đổi nhân khẩu học mà Việt Nam hiện đang trải qua có thể mang đến một cuộc sống chất lượng hơn cho người dân. Do đó, việc Chính phủ quyết liệt triển khai các chính sách phù hợp nhằm chuẩn bị cho một sự chuyển đổi hiệu quả và đảm bảo rằng nó sẽ tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế thay vì cản trở, là điều vô cùng cần thiết, đặc biệt là trong dài hạn.

5. Một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích sự tiếp tục tham gia vào lực lượng lao động của những người lớn tuổi. Điều này có thể bù đắp khả năng thiếu hụt nguồn cung lao động trong tương lai cũng như giúp tận dụng thêm những ích lợi từ vấn đề già hóa dân số. Khi bản thân lực lượng lao động đang dần già hóa, thì chính việc khai thác và tận dụng những đóng góp của những người lao động lớn tuổi có thể tạo ra những lợi thế cạnh tranh quan trọng cho nền kinh tế. Nghiên cứu của Clark và cộng sự (2008) với nền kinh tế Nhật Bản chỉ ra rằng, gia tăng việc làm của những người cao tuổi có khả năng tăng 12,3% GDP của nước này vào năm 2050. Bên cạnh đó, việc nghỉ hưu của người cao tuổi sẽ gia tăng gánh nặng lên hệ thống lương hưu và chi tiêu công cho an sinh xã hội, trong khi tuổi thọ của người Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, việc khuyến khích sự tham gia nhiều hơn của lực lượng lao động người cao tuổi sẽ phần nào giảm bớt gánh nặng chi tiêu này. Các chính sách khuyến nghị có thể bao gồm: Tăng tuổi nghỉ hưu (Chính sách này thực chất đang được xem xét và thông qua bởi Quốc hội ở thời điểm này); Xem xét các ưu đãi hưu trí; Cung cấp phúc lợi tốt hơn và sắp xếp việc làm linh hoạt hơn cho người lao động cao tuổi; Tuyên truyền, vận động trong xóa bỏ thái độ phân biệt tuổi tác tại nơi làm việc và nâng cao cơ hội cũng như quyền lợi cho người lao động cao tuổi.

Thứ hai, Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư vào nguồn vốn nhân lực thông qua phát triển giáo dục và đào tạo. Như đã phân tích ở trên, một trong những tác động tích cực mà già hóa có thể mang lại chính là cơ hội cho việc tập trung đầu tư nhiều hơn vào vốn nhân lực cho thế hệ tương lai nhờ việc gia đình đang ngày càng có ít con hơn. Vì vậy, các chính sách cần được thiết kế để khuyến khích và phát huy các cơ hội này. Thực tế cho thấy, chất lượng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam, đặc biệt là ở các cấp độ cao như đại học, sau đại học vẫn chưa thực sự đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập, nhất là so với các quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, vẫn còn nhiều khu vực ở vùng núi hay nông thôn có một phần dân số vẫn không tiếp cận được với giáo dục trung học phổ thông. Do đó, Chính phủ cần tập trung củng cố và mở rộng hệ thống giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao trình độ giáo dục cho người dân, trong đó chú trọng ở khu vực nông thôn và miền núi. Ngoài ra, thay vì đặt nặng vấn đề bằng cấp, cần chú trọng hơn vào đào tạo nghề và các kỹ năng, nâng cao chất lượng đào tạo đại học nhằm tạo ra đội ngũ lao động có trình độ và chất lượng cao nhằm đối phó với tình trạng già hóa đang diễn ra.

Ba là, Việt Nam cần quan tâm nhiều hơn đến các chính sách y tế và an sinh xã hội cho người già. Theo đó, chính phủ cần chủ động trong thúc đẩy sự phát triển của hệ thống an sinh xã hội cũng như phát triển một hệ thống lương hưu và chăm sóc sức khỏe bền vững để có thể chuẩn bị tốt nhất trong việc thích nghi với những thay đổi trong cấu trúc dân số đang và sẽ diễn ra trong thời gian tới. Điều này đặc biệt quan trọng khi mà thực tế ở Việt Nam, đời sống người cao tuổi còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực miền núi và nông thôn. Bên cạnh đó, một số lớn người cao tuổi hiện đang đối mặt với gánh nặng “bệnh tật kép”, có sức khỏe yếu hoặc rất yếu, mà lại không có điều kiện mua bảo hiểm y tế. Chính vì vậy, việc phát triển một hệ thống chăm sóc sức khỏe chất lượng, với những cơ sở y tế chuyên về lão khoa, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực y tế chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là vô cùng cần thiết. Ngoài ra,

Việt Nam cũng có thể phát triển các mô hình nhà dưỡng lão phù hợp với bối cảnh văn hóa của người Việt để đáp ứng nhu cầu nơi ở và các dịch vụ chăm sóc chất lượng cho những nhóm người cao tuổi, đặc biệt là những người già neo đơn. Đồng thời, chính quyền cũng nên phát triển một hệ thống bảo hiểm cho người già, người nghèo, bảo hiểm nhân thọ để cuộc sống của người cao tuổi có thể được đảm bảo.

6. Kết luận

Già hóa dân số đang là một hiện tượng toàn cầu và có mặt ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Không nằm ngoài xu hướng đó, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với tình trạng lực lượng người già trong cơ cấu dân số ngày càng gia tăng, cả về số lượng lẫn tỷ lệ trong cơ cấu dân số. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức về vấn đề già hóa cũng như công tác chuẩn bị cho việc đối mặt với vấn đề này là vô cùng cần thiết. Bài báo này tập trung đánh giá thực trạng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay, nhận diện những vấn đề thách thức cho phát triển kinh tế do già hóa dân số mang lại. Trên cơ sở đó, bài báo đề ra một số khuyến nghị chính sách trong việc đối phó với hiện tượng này cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Những đề xuất đó bao gồm: (i) Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích sự tiếp tục tham gia vào lực lượng lao động của những người lớn tuổi; (ii) Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư vào nguồn vốn nhân lực thông qua phát triển giáo dục và đào tạo; (iii) Việt Nam cần quan tâm nhiều hơn đến các chính sách y tế và an sinh xã hội cho người già. Bài báo kỳ vọng các khuyến nghị chính sách có thể được thực thi và mang đến cho Việt Nam một “xã hội già hóa” khỏe mạnh và đóng góp hiệu quả cho phát triển trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được sự hỗ trợ kinh phí từ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng cho đề tài khoa học và công nghệ, mã số T2019 – 04 – 47.

Tài liệu tham khảo

- Aisa, R. and Pueyo, F. (2013). Population aging, health care, and growth: A comment on the effects of capital accumulation. *Journal of Population Economics*, 26(4), 1285-1301.
- Auerbach, A. J., Kotlikoff, L. J., Hagemann, R. P. & Nicoletti, G. (1989). The economic dynamics of an ageing population: The case of four OECD countries. *OECD Economics Department Working Papers*, 62.
- Bloom, D. E., Canning, D. & Fink, G. (2010). Implications of population ageing for economic growth. *Oxford Review of Economic Policy*, 26 (4), 583-612.
- Bos, D. and Weizsacker, R. K. V. (1989). Economic consequences of an aging population. *European Economic Review*, 33(2), 345-354.
- Clark, R. L., Ogawa, N., Lee, S. & Matsukura, R. (2008). *Older workers and national productivity in Japan*. In Prskawetz, A., Bloom, D. E., Lutz, W. (eds) *Population aging, human capital accumulation, and productivity growth* [eBook], Population Council, New York, 257-274.
- Fougere, M. and Merette, M. (1999). Population Ageing and Economic Growth in Seven OECD Countries. *Economic modelling*, 16(3), 411-427.
- Giang, T. L. and Pfau, W. D. (2007). *The elderly population in Vietnam during economic transformation: An overview*. *Social Issues under Economic Transformation and Integration in Vietnam*, 1, 185-210.

Otsu, K. and Shibayama, K. (2016). Population Aging and Potential Growth in Asia. *Asian development review*, 33(2), 56-73.

Prskawetz, A., Bloom, D. E. & Lutz, W. (2008). *Population aging, human capital accumulation, and productivity growth*. Population Council. New York.

Tổng cục Thống kê. (2016). *Dự báo dân số Việt Nam 2014 – 2049*.

Tổng cục Thống kê. (2017). *Niên giám thống kê năm 2017*.

Tổng cục Thống kê. *Kết quả điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4 các năm 2009 – 2016*.

United Nations Population Fund. (2011). *The aging population in Viet Nam: Current status, prognosis, and possible policy responses*. United Nations Population Fund in Vietnam. Ha Noi.

United Nations. (2019). *World Data*. Truy xuất từ <http://data.un.org>, ngày 31/5/2019.

Weil, D. N. (2006). Population aging. *National Bureau of Economic Research*.

World Bank. (2016). *Live long and prosper: Aging in East Asia and Pacific*. World Bank Group.

World Bank. (2019). *Vietnam Data*. Truy xuất từ <http://data.worldbank.org/country/vietnam>, ngày 31/5/2019.